

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CÔNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● TRẦN TUẤN NGỌC

TÓM TẮT:

Bài viết này, tác giả nghiên cứu với mục đích đánh giá các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư công nhằm phục vụ cho sự phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM). Để phân tích các yếu tố, tác giả tiến hành thu thập (thông tin từ chuyên gia kinh tế, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp từ bảng câu hỏi phỏng vấn, kết quả tác giả dựa vào dữ liệu 352 quan sát). Tác giả phân tích và kiểm định mô hình (SEM). Từ kết quả phân tích cho thấy mô hình có tác động đến thu hút vốn đầu tư công và đưa ra giải pháp hiệu quả thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM.

Từ khóa: Thu hút vốn đầu tư công, phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng, TP. HCM.

1. Đặt vấn đề

TP. HCM là nơi hoạt động kinh tế năng động nhất cả nước, luôn đi đầu trong cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế, luôn có sức hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố có vị trí chính trị quan trọng của cả nước đã đóng góp khoảng 1/3 giá trị sản xuất công nghiệp, 1/5 kim ngạch xuất khẩu, 27,8% tổng thu ngân sách cả nước trong năm 2018. TP. HCM vẫn đang tiếp tục duy trì tăng trưởng khá để giữ vững vị trí hàng đầu kinh tế của cả nước. Tổng sản phẩm nội địa của Thành phố đã đạt hơn 1,33 triệu tỷ đồng, đạt 8,3% (cùng kỳ tăng 8,25%). Với mức tăng trưởng này so với quy mô nền kinh tế cả nước, thì nền kinh tế tại TP. HCM đã đóng góp 24,16%. TP. HCM có tổng nguồn vốn đầu tư cho toàn xã hội đã chiếm khoảng 35% GRDP. Đối với mức này, Thành phố đã vượt qua chỉ tiêu bình quân của toàn nhiệm kỳ 2016 - 2020 đã đề ra là 30% GRDP. TP. HCM cũng đã

thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài đạt đến 7,39 tỷ USD, cao nhất cả nước. Hiện nay, TP. HCM không chỉ là tiên phong trong cả nước về phát triển kinh tế, mà còn là một thành phố luôn đổi mới và đột phá về thể chế cũng như tiên phong trong rất nhiều mô hình phát triển, thể hiện rõ nét sự năng động, sáng tạo. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay, TP. HCM có kết cấu hạ tầng chưa cân xứng với một thành phố năng động, sáng tạo, hơn nữa ngày càng quá tải, bất cập, làm suy giảm việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế cũng như cải thiện đời sống nhân dân thành phố. Việc quy hoạch và quản lý đô thị hiện nay chưa theo kịp tốc độ phát triển. Tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường vẫn còn rất nhiều bất cập. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP. HCM lần thứ X nhiệm kỳ 2016 - 2020 cũng đã nhận định: Quy hoạch, quản lý đô thị và kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện dân sinh, bảo vệ môi trường. TP. HCM chưa tạo ra

một sự đột phá trong việc thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại TP. HCM. Trong nhiều năm qua, chính quyền TP. HCM tuy đã có rất nhiều nỗ lực trong việc thực hiện thu hút vốn đầu tư công nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại TP. HCM, nhưng thực trạng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của một thành phố năng động, sáng tạo. Việc thực hiện thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại TP. HCM là của chính quyền thành phố. Vì vậy, để thực hiện được điều này, đòi hỏi TP. HCM cần phải có nhiều giải pháp hoàn chỉnh để thu hút vốn đầu tư từ nhiều nguồn và nhiều thành phần kinh tế mới tạo ra được một tầm nhìn trong dài hạn giải quyết vấn đề về vốn đáp ứng cho nhu cầu phát triển, nhất là phát triển cơ sở hạ tầng. Nhiệm vụ này gắn liền với những yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ toàn bộ nền kinh tế của Thành phố nói chung, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư công nói riêng. Mục tiêu của chính quyền Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 phải xây dựng TP. HCM có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại với vai trò là đô thị đặc biệt, đi đầu và làm đóng góp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sớm trở thành một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại; khoa học công nghệ của khu vực Đông Nam Á; do đó TP. HCM phải tập trung mọi nguồn lực tạo bước đột phá thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, kết nối hạ tầng các tỉnh, thành phố trong vùng, ưu tiên thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Để thực hiện các được bước đột phá này, đòi hỏi phải thu hút vốn đầu tư công, phát huy từ mọi nguồn lực của xã hội. Bài viết tập trung nghiên cứu các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư công là cơ sở để tìm ra những giải pháp thiết thực nhằm huy động vốn đầu tư hiệu quả, đáp ứng cho nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội TP. HCM trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm đầu tư công, vốn đầu tư công

Kinh tế học định nghĩa đầu tư công là việc đầu tư để tạo năng lực sản xuất, cung ứng hàng hóa công cộng và chi tiêu Chính phủ, là các khoản chi của Chính phủ để cung ứng hàng hóa công cộng như xây dựng đường sá, trường học, dịch vụ khám chữa bệnh, an ninh, quốc phòng.

Theo Liên hiệp quốc: Đầu tư công là việc đầu

tư/chi tiêu của nhà nước nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục¹.

Luật Ngân sách nhà nước (2002), ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong 1 năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Ngoài ra, còn có nhiều khái niệm như sau:

Đầu tư công là đầu tư của Nhà nước vào khu vực công. Đầu tư công là đầu tư vì mục tiêu của chính sách công hoặc phục vụ những lợi ích công cộng.

Đầu tư công là quá trình Nhà nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư vào phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư công là việc sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển KT-XH không có khả năng hoàn vốn trực tiếp, hay nói cách khác là không vì mục tiêu kinh doanh. Đầu tư công là đầu tư của một chủ thể đặc biệt - đó là Nhà nước. Theo quan điểm này thì đầu tư công được hiểu rất rộng, nếu một dự án đầu tư được thực hiện bởi Nhà nước thì dự án đó được quan niệm là đầu tư công, không phân biệt nguồn vốn, mục đích đầu tư.

Theo E. Anderson (2006), đầu tư công là phần chi tiêu công làm gia tăng tích lũy tài sản². Nguyên nhân các chính phủ chi tiêu vào tài sản công là do các dạng thất bại của thị trường. Với những quan điểm trên, tác giả nhận thấy đầu tư công là chưa thực sự hoàn chỉnh hay đồng nhất về ngữ nghĩa, mặc dù xét ở các khía cạnh khác nhau, mỗi định nghĩa đó đều chứa đựng trong nó những yếu tố hợp lý.

Theo Hughes (2012), ngân sách nhà nước là một tài liệu phản ánh số thuế thu được và các khoản chi tiêu công của Chính phủ trong 1 năm. Ngân sách nhà nước có nhiều chức năng, xét về góc độ tài chính ngân sách nhà nước đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định sự lành mạnh của toàn bộ nền kinh tế.

Vốn đầu tư công là vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ các nguồn thu để lại cho đầu tư, nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương. Dự án đầu tư công là dự án đầu tư sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công. Hoạt động

đầu tư công là các hoạt động gồm: lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, quyết định, giao, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch chương trình, dự án đầu tư công.

Cơ sở hạ tầng là cơ sở vật chất cần thiết cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của một khu vực. Có thể chia cơ sở hạ tầng làm 3 hệ thống: hệ thống hạ tầng sản xuất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Trong đó, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: hệ thống các công trình giao thông vận tải hàng hóa và hành khách (như đường sắt,

đường bộ, đường thủy, đường hàng không, các cơ sở dịch vụ kỹ thuật cho giao thông), hệ thống cung cấp năng lượng cho sản xuất và tiêu dùng (điện, xăng dầu, khí, đất, nước), hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thu gom và xử lý rác, hệ thống cấp và thoát nước mưa và hệ thống kỹ thuật - thông tin, bưu chính - viễn thông. Như vậy, cơ sở hạ tầng kỹ thuật - (Infrastructure) là hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị cơ bản, cố định có tính chất nền tảng của một quốc gia như đường sá, đường sắt, nhà ga, bến cảng kho bãi, phi trường, mạng cấp thoát nước, điện, mạng viễn thông.

Đối lập với lý thuyết của trường phái cổ điển, Keynes lại không ủng hộ quan điểm tự do kinh tế về sự cân bằng của nền kinh tế dựa trên sự điều tiết của thị trường mà không có sự can thiệp của nhà nước. Keynes lại cho rằng sự khủng hoảng kinh tế đang diễn ra ngày càng trầm trọng không phải là hiện tượng nội sinh của chủ nghĩa tư bản mà là do thiếu sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế.

Lý thuyết của Keynes là lý thuyết trong cầu. Theo Keynes, Nhà nước cần thực hiện các biện pháp tăng cầu có hiệu quả, kích thích tiêu dùng sản xuất. Nhà nước dùng ngân sách để tiến hành các đơn đặt hàng, trợ cấp về tài chính, đảm bảo lợi nhuận ổn định cho tư nhân. Đồng thời, Nhà nước phải có chương trình đầu tư với quy mô lớn.

2.2. Các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư công

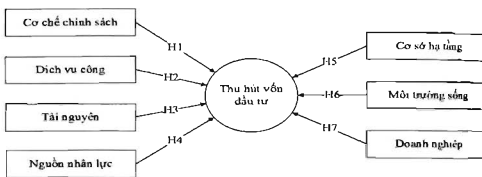
Các yếu tố tác động đến sự hấp dẫn thu hút vốn

đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại TP. HCM, tác giả đưa ra gồm 7 nhóm yếu tố tác động.

2.3. Mô hình nghiên cứu để xuất và giả thuyết

Trên cơ sở tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm trước, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:

Hình 1: Mô hình nghiên cứu để xuất của tác giả



H1, H2, H3, H4, H5, H6, và H7 đều có tác động tích cực đến thu hút vốn đầu tư công. Trong đó: H1: được dựa trên nghiên cứu của Robert Osei-Kyei (2016); H2: được dựa trên nghiên cứu của Elmi Aziri (2017); H3, H4, H5: được dựa trên nghiên cứu của Kangning Xu (2010); H6: được dựa trên nghiên cứu của Đinh Phi Hồ (2011); H7: được dựa trên nghiên cứu của Chowdhury et al (2013).

2.4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1, ở cột trung bình (Mean) thì đa số các hệ số đều trên 3 ngoại trừ các biến CCCS2, CCCS3, CSHT2, MTS2, MTS4, THDT1, THDT2, và THDT3. Ngoài ra, độ lệch chuẩn của các biến quan sát không có chênh lệch lớn, giao động từ 1.084 đến 1.233.

2.5. Phân tích EFA

Chỉ số KMO từ 0,5 đến 1; ở mức tối thiểu 0,5 là phù hợp và chỉ có thể được tiến hành. KMO lớn hơn 0,8 được coi là tốt.

Tác giả nhận thấy $KMO = 0.798 > 0.5$ có độ tin cậy. $Sig = 0.000 < 0.05$, có ý nghĩa thống kê. Các biến quan sát đều có hệ số tải lớn hơn 0.5. Tổng phương sai trích xuất lớn hơn 50%. Khi phân tích EFA từ 352 quan sát đáp ứng các tiêu chí nhất định nghiên cứu. Kết quả phân tích EFA có 8 biến cụ thể như sau: Cơ chế chính sách: CCCS1, CCCS2, CCCS3, CCCS4, CCCS5; Dịch vụ công: DVC1, DVC2, DVC3, DVC4; Tài nguyên: TN1, TN2, TN3; Nguồn nhân lực: NNL1, NNL2, NNL3, NNL4; Cơ sở hạ tầng: CSHT1, CSHT2, CSHT3, CSHT4, CSHT5, CSHT6; Môi trường sống: MTS1.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến quan sát

	Thống kê mô tả				
	Số lượng	Thấp nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
CCCS1	352	1	5	3.00	1.192
CCCS2	352	1	5	2.90	1.176
CCCS3	352	1	5	2.94	1.183
CCCS4	352	1	5	3.04	1.214
CCCS5	352	1	5	3.01	1.171
DVC1	352	1	5	3.08	1.123
DVC2	352	1	5	3.16	1.153
DVC3	352	1	5	3.14	1.160
DVC4	352	1	5	3.17	1.214
TN1	352	1	5	3.08	1.164
TN2	352	1	5	3.09	1.171
TN3	352	1	5	3.18	1.188
NNL1	352	1	5	3.16	1.177
NNL2	352	1	5	3.07	1.160
NNL3	352	1	5	3.12	1.146
NNL4	352	1	5	3.08	1.187
CSHT1	352	1	5	3.05	1.125
CSHT2	352	1	5	2.98	1.132
CSHT3	352	1	5	3.07	1.165
CSHT4	352	1	5	3.10	1.233
CSHT5	352	1	5	3.05	1.143
CSHT6	352	1	5	3.05	1.126
MTS1	352	1	5	3.00	1.210
MTS2	352	1	5	2.98	1.143
MTS3	352	1	5	3.03	1.164
MTS4	352	1	5	2.97	1.131
MTS5	352	1	5	3.00	1.192
MTS6	352	1	5	3.02	1.201
DN1	352	1	5	3.09	1.141
DN2	352	1	5	3.13	1.141
DN3	352	1	5	3.05	1.144
DN4	352	1	5	3.02	1.117
DN5	352	1	5	3.07	1.128
THDT1	352	1	5	2.87	1.086
THDT2	352	1	5	2.86	1.084
THDT3	352	1	5	2.88	1.090
Valid N (listwise)	352				

Nguồn: Tác giả tổng hợp

MTS2, MTS3, MTS4, MTS5, MTS6. Doanh nghiệp: DN1, DN2, DN3, DN4, DN5; Thu hút đầu tư: THDT1, THDT2, THDT3.

2.6. Môi trường quan giữa các biến

Bảng 2 cho thấy kết quả của ma trận tương quan giữa các yếu tố. Đa số các yếu tố có mối tương quan với nhau. Tất cả đều có tác động đến THDT. Trong đó, CCCS có tác động đến THDT mạnh nhất. Thông qua kiểm tra độ tin cậy, kiểm tra EFA và kiểm tra tương quan, thang đo của nghiên cứu này đã được xác nhận tính hợp lệ và độ tin cậy.

2.7. Phân tích CFA

Kết quả trọng số hồi quy cho thấy tất cả giá trị: $p < 0.05$ ($p = *** < 0.01$), vì vậy tất cả các hệ số đều có ý nghĩa thống kê cao.

Khi phân tích độ tin cậy bằng hệ số Crobach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích nhân tố khẳng định CFA, tác giả nhận thấy các biến quan sát hội tụ đúng yếu tố như mô hình nghiên cứu và đảm bảo về độ tin cậy và hội tụ, do đó tất cả các biến được giữ để tiến hành phân tích SEM.

2.8. Phân tích và kiểm định mô hình SEM

Model fit:

Sử dụng AMOS 23.0 để kiểm định mô hình sau khi chạy CFA. Chi-square có P-value < 0.05. TLI, CFI > 0.9 (Bentler & Bonett, 1980); CMIN/df < 2 hoặc < 3 (Carmines & McIver, 1981); RMSEA < 0.08 (Steiger, 1990) phù hợp. Model fit CMIN/DF (1.995 < 3), CFI (0.903 > 0.9), SRMR (0.043 < 0.08), RMSEA (0.053 < 0.06), Pclose (0.132 > 0.05). SEM phù hợp với dữ liệu. (Bảng 3).

Kiểm định giả thuyết:

Sau khi xây dựng mô hình cấu trúc, tác giả đã nhận được kết quả về các mối quan hệ như được đưa ra trong Bảng 4 và Hình 2. Kết quả SEM cho thấy sự phù hợp của mô hình từ dữ liệu được thu thập.

Bảng 2. Ma trận tương quan

	CCCS	DVC	TN	NNL	CSHT	MTS	DN	THDT
CCCS	1							
DVC	.236**	1						
TN	.181**	.188**	1					
NNL	.162**	.175**	.190**	1				
CSHT	.222**	.125*	.199**	.191**	1			
MTS	.261**	.272**	.154**	.143**	.149**	1		
DN	.165**	.152**	.212**	.154**	.159**	.161**	1	
THDT	.381**	.323**	.341**	.340**	.293**	.316**	.280**	1

Note: ** p < 0.01, N=352

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 3. Các chỉ số model fit trong SEM

Chỉ số	Tiêu chuẩn	Giá trị	Nguồn
CMIN/DF	< 3	1.995	(Byrne, 2016)
CFI	> 0.90	0.903	(Bentler & Bonett, 1980)
SRMR	< 0.08	0.043	(Browne & Cudeck, 1992)
RMSEA	< 0.06	0.053	(Byrne, 2016)
PClose	> 0.05	0.132	(Byrne, 2016)

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 5 các kết quả từ SEM. Các giả thuyết đều được chấp nhận ở mức ý nghĩa 0,05 ngoại trừ giả thuyết H6 (p = 0.082 > 0.05). Hầu hết các nhân tố đều có tác động đến việc thu hút đầu tư ngoại trừ môi trường sống. Vì vậy, từ kết quả của giả thuyết, tác giả đã thiết lập mô hình kết quả như Hình 3.

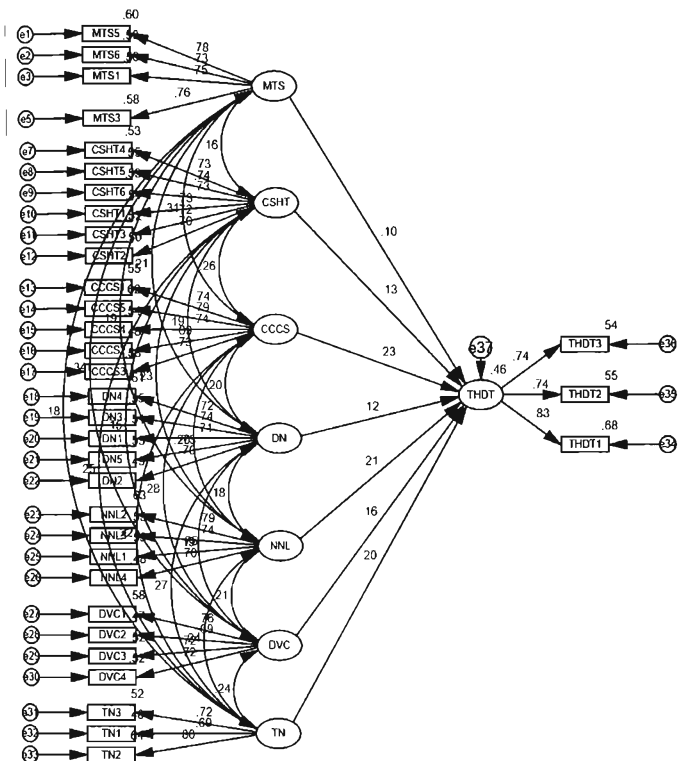
Các yếu tố đều có tác động đến việc thu hút đầu tư ngoại trừ môi trường sống. Cơ chế chính sách có tác động lớn nhất đến thu hút đầu tư với hệ số chuẩn hóa là 0.233, phù hợp với nghiên cứu của Huỳnh Thanh Nhã (2017). Kế tiếp là nguồn nhân lực (0.210) và tài nguyên môi trường (0.202), phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Phi Hồ (2011) và Hà Nam Khánh Giao và cộng sự (2013). Chất lượng dịch vụ công và cơ sở hạ tầng lần lượt xếp thứ tư và thứ năm, với hệ số chuẩn hóa là 0.161 và 0.129, phù hợp với nghiên cứu của Tôn Đức Hoàn (2011). Năng lực của doanh nghiệp có tác động thấp nhất đến thu hút đầu tư (hệ số chuẩn hóa 0.120), phù hợp với nghiên cứu trước đây của Chowdhury et al. (2013).

2.9. Giải pháp hiệu quả thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM

TP. HCM cần chuyển nhượng vốn đã đầu tư (hay đã tham gia góp vốn) để có vốn cần thiết tiếp tục tái đầu tư. Nhà nước không chỉ thực sự duy trì quản lý thống nhất việc phát triển đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM theo quy hoạch, mà còn phải tập trung thu hồi vốn đã đầu tư theo phương thức chuyển nhượng hay cho thuê khai thác cơ sở hạ tầng kỹ thuật do hiện nay nguồn vốn ngân sách thiếu hụt tạm thời. Vì vậy, việc chuyển nhượng hay cho thuê khai thác cơ sở hạ tầng kỹ thuật sẽ luôn luôn gắn kết tính hiệu quả cũng như trách nhiệm của các nhà đầu tư tham gia và đáp ứng được mục tiêu phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật; ngoài ra, còn tạo được động lực thu hút sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn đối với các nhà đầu tư có năng lực.

TP. HCM cần có biện pháp mạnh hơn trong việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước

Hình 2: Mô hình nghiên cứu SEM



trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Thực tế đã cho thấy, các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thường không hiệu quả, những doanh nghiệp nhà nước còn tồn tại đa số thường được hưởng lợi từ các chính sách cũng như được sử dụng nhiều ưu đãi từ những vị trí mặt bằng tại những khu đất vắng do Nhà nước giao. Việc doanh nghiệp nhà

nước hoạt động đưa vào ưu đãi này quả thật không công bằng với các doanh nghiệp tư nhân, ngoài ra ngân sách lại không thu được lợi gì. TP. HCM cần phải cổ phần hóa mạnh hơn nữa những doanh nghiệp nhà nước có ngành nghề không phải là lĩnh vực hoạt động kinh doanh trọng yếu để Nhà nước thu về cho ngân sách và sử dụng cho những công

Bảng 4. Hệ số quy hồi chưa chuyển hóa trong SEM

			Estimate	S.E.	C.R.	P	Label
THDT	<---	MTS	100	.058	1.738	.082	par_27
THDT	<---	CSHT	.129	.056	2.288	.022	par_28
THDT	<---	CCCS	.226	.058	3.891	***	par_29
THDT	<---	DN	.126	.060	2.096	.036	par_30
THDT	<---	NNL	.204	.056	3.635	***	par_31
THDT	<---	DVC	169	.064	2.648	.008	par_32
THDT	<---	TN	.212	.065	3.266	.001	par_33
MTS5	<---	MTS	1.000				
MTS6	<---	MTS	.940	.073	12.909	***	par_1
MTS1	<---	MTS	.974	.074	13.253	***	par_2
MTS3	<---	MTS	.955	.071	13.482	***	par_3
CSHT4	<---	CSHT	1.000				
CSHT5	<---	CSHT	.945	.073	12.995	***	par_4
CSHT6	<---	CSHT	915	.072	12.776	***	par_5
CSHT1	<---	CSHT	.919	.072	12.850	***	par_6
CSHT3	<---	CSHT	.936	.074	12.645	***	par_7
CSHT2	<---	CSHT	889	.072	12.361	***	par_8
CCCS1	<---	CCCS	956	.069	13.760	***	par_9
CCCS5	<---	CCCS	1.000				
CCCS4	<---	CCCS	.971	.071	13.735	***	par_10
CCCS2	<---	CCCS	.881	.069	12.776	***	par_11
CCCS3	<---	CCCS	.930	.069	13.484	***	par_12
DN4	<---	DN	.940	.076	12.390	***	par_13
DN3	<---	DN	1.000				
DN1	<---	DN	953	.077	12.294	***	par_14
DN5	<---	DN	.962	.077	12.550	***	par_15
DN2	<---	DN	934	.077	12.072	***	par_16
NNL2	<---	NNL	1.000				
NNL3	<---	NNL	920	.069	13.303	***	par_17
NNL1	<---	NNL	.959	.071	13.489	***	par_18
NNL4	<---	NNL	.895	.072	12.508	***	par_19
DVC1	<---	DVC	1.000				
DVC2	<---	DVC	.925	.080	11.582	***	par_20
DVC3	<---	DVC	.982	.081	12.142	***	par_21
DVC4	<---	DVC	1.022	.085	12.081	***	par_22

			Estimate	S.E.	C.R.	P	Label
TN3	<---	TN	1 000				
TN1	<---	TN	.944	.087	10.809	***	par_23
TN2	<---	TN	1.094	.097	11 286	***	par_24
THDT1	<---	THDT	1.000				
THDT2	<---	THDT	.897	.067	13.455	***	par_25
THDT3	<---	THDT	.896	.067	13.369	***	par_26

Nguồn: Tác giả tổng hợp

***: $p < 0.05$

Bảng 5. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Dự đoán	P - value
H1	CCCS → THDT	0.233	***
H2	DVC → THDT	0.161	0.008
H3	TN → THDT	0.202	0.001
H4	NNL → THDT	0.210	***
H5	CSHT → THDT	0.129	0.022
H6	MTS → THDT	0.104	0.082
H7	DN → THDT	0.120	0.036

Nguồn: Tác giả tổng hợp

n.s. $p > 0.05$; ***: $p < 0.001$

việc thiết thực hơn cho Thành phố, vừa tăng năng lực cạnh tranh với các thành phần kinh tế vừa giúp được cho ngân sách phục vụ nhiều hơn cho việc đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM.

Đất đai được xác định là tài sản quan trọng nhất của TP. HCM hiện nay. Vì vậy, TP. HCM cần phải làm rõ cũng như có quy định rõ ràng như quyền sở hữu tài sản trong việc cạnh tranh đất đai. Quyền sử dụng đất có tính chất hành chính, do đó, bài toán đặt ra cho chính quyền TP. HCM là giải quyết bài toán này cần phải thực hiện thông qua công cụ và biện pháp hành chính, chứ không phải bằng cơ chế thị trường. Nếu chính quyền TP. HCM không có sự can thiệp vào trong lĩnh vực đất đai, có lẽ ngoài việc Thành phố không thực hiện được đầu tư công cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, mà còn không đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

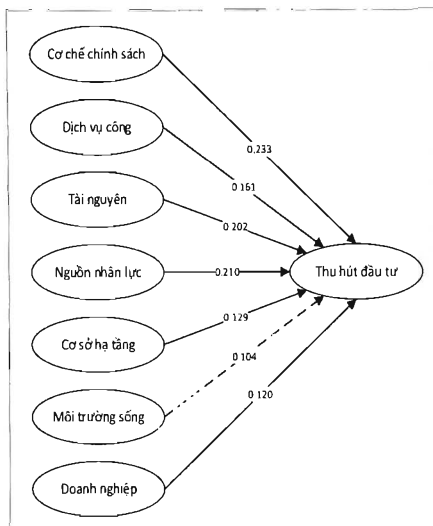
TP. HCM nên có sự tách biệt giữa ngân sách chi cho đầu tư xây dựng cơ bản cũng như ngân sách chi thường xuyên. Điều này đã thường xuyên gây khó khăn trong việc ước tính tác động đến chi tiêu thường xuyên trung hạn của vốn đầu tư phát triển

và thiết lập một sự cân bằng việc chi dài hạn giữa việc tạo ra các tài sản công cộng và các hoạt động duy tu bảo trì.

TP. HCM nên xây dựng một quy trình quản lý đầu tư công có hiệu quả. Khi có một quy trình quản lý đầu tư công một cách hữu hiệu, chặt chẽ và đồng bộ với quy trình ngân sách sẽ giúp TP. HCM tránh được tình trạng phê duyệt các dự án đầu tư công tốn kém và không hiệu quả. Đối với trường hợp này, cũng như các giai đoạn đầu tư cần tăng cường, đặc biệt chú trọng các giai đoạn đầu tiên của quy trình quản lý đầu tư công, cụ thể là chỉ đạo chiến lược và sàng lọc dự án đầu tư công, thẩm định tối dự án, kiểm tra kết quả thẩm định, lựa chọn và cấp vốn cho dự án. Các dự án các chương trình vượt qua lần sàng lọc đầu tiên phải thẩm định để đánh giá tính khả thi của dự án và tổ chức triển khai thực hiện dự án.

TP. HCM nên thành lập cơ quan quản lý điều phối độc lập và liên ngành cho lĩnh vực thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn TP. HCM. Do sự nhập nhằng như thể chế, cũng như sự phân cấp vẫn còn chông chéo, hơn nữa do việc không có ranh giới

Hình 3: Kết quả nghiên cứu



Tăng cường các bộ phận kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động trước và sau đầu tư thông qua việc áp dụng các phương pháp kiểm tra chất lượng công tác quản lý hành chính theo các quy chuẩn thống nhất.

Quy định chế độ trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của từng bộ phận, từng tổ chức cơ quan trực thuộc quản lý trong từng lĩnh vực. Không ngừng đổi mới phương thức đánh giá cán bộ công chức theo hướng giảm thiểu tối đa các phiền hà, nhùng nhịu cho nhà đầu tư và các tệ nạn tham nhũng.

Các chính sách thu hút đầu tư phải bao gồm: thủ tục đăng ký đầu tư nhanh gọn; cơ chế đầu tư công khai, minh bạch; khuyến khích ưu đãi đầu tư rõ ràng và được cam kết thực thi xuyên suốt quá trình đầu tư; có biện pháp bảo vệ nhà đầu tư về nguồn lợi từ đầu tư, cũng như về an ninh trật tự xã hội.

Chính sách thu hút đầu tư phải rõ ràng, cụ thể và thực hiện linh hoạt phù hợp là tiền đề cho việc thu hút và sử dụng mọi nguồn vốn đầu tư công phát triển cơ sở hạ

tầng kỹ thuật một cách hợp lý và hiệu quả.

rõ ràng giữa cơ quan quản lý và các bên tham gia thị trường, thậm chí giữa các đơn vị trong cùng một cấp cơ quan nên rất khó để làm rõ và thực thi các luật chơi công bằng.

Do đó, Thành phố phải kiện toàn bộ máy quản lý, cán bộ công chức có đủ năng lực cũng như phẩm chất để thực thi khung pháp lý và các chính sách thu hút vốn đầu tư công hiệu quả.

Phải chú trọng đào tạo, nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức nắm vững kiến thức pháp luật chính sách thu hút vốn đầu tư và có chuyên môn sâu về các lĩnh vực phụ trách.

Chính sách thu hút đầu tư cần được nhất quán, không thay đổi khi có sự thay đổi người lãnh đạo chính quyền. Đây chính là lòng tin vì nếu không tôn trọng các cam kết, các quy định tối thiểu. Có thể làm mất niềm tin của các nhà đầu tư.

Chính sách thu hút vốn đầu tư công phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và phải được xem xét xây dựng, thực hiện một cách nhất quán, linh hoạt trong chiến lược lâu dài thì mới có hiệu quả ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ *Sở Xây dựng TP. Hồ chí Minh, 2014*

² *Sở Xây dựng TP. Hồ chí Minh, 2014*

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

1. Bùi Tất Thắng (2018). *Đầu tư công: Những vấn đề đặt ra cho năm 2018*. Tạp chí Tài chính.
2. Đinh Phi Hổ (2011). *Yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp. Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp*. Nxb Phương Đông, Trang 67 - 91.

Tiếng Anh

1. Abiad, M. A., Furceri, D., & Topalova, P. (2015). *The macroeconomic effects of public investment: evidence from advanced economies (No. 15-95)*. International Monetary Fund.
2. Azri, E. (2017). *The Impact of Public Investment on Economic Growth in Republic of Macedonia*. *Revista de Stiinta Politice*, (56).

Ngày nhận bài: 16/5/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/5/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/6/2019

Thông tin tác giả:

TRẦN TUẤN NGOC

Học viên cao học Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
Cơ quan Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh

ANALYZING FACTORS AFFECTING THE ATTRACTION OF PUBLIC INVESTMENT CAPITAL TO DEVELOP TECHNICAL INFRASTRUCTURE CAPITAL IN HO CHI MINH CITY

● **TRAN TUAN NGOC**

Postgraduate student, International School

- Vietnam National University - Ho Chi Minh City

Office of the National Assembly Delegation and People's Council
of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

This study is to evaluate the factors affecting the attraction of public investment capital to develop technical infrastructure capital in Ho Chi Minh City. This study was carried out by collecting information from economic experts, state management agencies and enterprises with interview questionnaires and 352 observations. Data was analysed and tested by the structural equation model (SEM). The study's result shows that the model has an impact on attracting public investment capital, thereby providing effective solutions to attract public investment capital for technical infrastructure development in Ho Chi Minh City.

Keywords: Attracting public investment capital, serving infrastructure development, Ho Chi Minh City.